

<u>9- Đầu tư dài hạn khác</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Đầu tư trái phiếu	500,000,000	500,000,000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Đầu tư dài hạn khác	60,221,081,132	69,015,399,713
Cộng	60,721,081,132	69,515,399,713
<u>10- Chi phí trả trước dài hạn</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền thuê đất Bình An	13,024,524,207	17,833,922,600
- Chi phí sửa chữa kho	764,440,810	955,551,010
- Trả trước tiền thuê Cửa hàng		1,796,636,206
- Khác		1,864,076,718
Cộng	13,788,965,017	22,450,186,534
<u>11- Vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	103,738,931,058	116,989,570,194
- Nợ dài hạn đến hạn trả	22,400,000,000	14,610,640,000
Cộng	126,138,931,058	131,600,210,194
<u>12- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Thuế GTGT		
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	480,805,901	106,079,677
- Thuế TNDN	21,647,276,413	9,276,143,921
- Thuế thu nhập cá nhân	568,118,744	439,296,353
- Tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
Cộng	22,696,201,058	9,821,519,951
<u>13- Các khoản phải trả, phải nộp khác</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Kinh phí công đoàn	411,139,356	437,103,332
- Bảo hiểm xã hội	1,689,542,865	1,583,196,234
- Trợ cấp thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm y tế	509,232,748	236,811,013
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	2,258,016,463	2,609,401,333
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	71,070,946,244	70,973,372,571
Cộng	75,938,877,676	75,839,884,483
<u>14- Vay và nợ dài hạn</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vay ngân Hàng	6,151,017,969	55,168,175,509
- Vay đối tượng khác	1,400,000,000	29,268,040,000
	4,751,017,969	25,900,135,509